

Ông Nguyễn Văn Thiệu và Cuộc Chiến 1975

Trọng Đạt

Sau khi Cộng quân tràn ngập Thủ đô Sài Gòn ngày 30-4-1975, người dân bàng hoàng như trong cơn ác mộng, họ bảo nhau.

- Ủa tại sao thua nhanh thế nhỉ?

Khoảng một tháng sau ngày mất nước, công chức trung cấp, cao cấp của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ra trình diện cải tạo tại trường nữ trung học Gia Long Sài Gòn, một ông quả quyết nói:

- Thiệu đóng đúng cái vai trò mà Mỹ nó đạo diễn, ngoài ra không có gì cả!

Các giới chức quân sự, chính trị... cũng đều đã nghĩ rằng ông Thiệu là người đã làm mất nước, đã gây lên tám thảm kịch 1975. Mười lăm năm sau ngày mất nước, vào những năm đầu thập niên 90 khi Cộng Sản Nga và Đông Âu thi nhau sụp đổ, ông Thiệu tổ chức buổi nói chuyện với đồng bào Hải Ngoại về tình hình đất nước tại Cali, ông đã bị chống đối dữ dội. Mười lăm năm đã trôi qua người ta vẫn còn oán hận ông vì ông mà mất nước.

Đó là chuyện đã qua, dần dần những bí mật về cuộc chiến tranh Việt Nam đã được tiết lộ, nhất là về mặt quân sự, quốc phòng. Từ giữa thập niên 80 và cuối thập niên 90 ông Cao Văn Viên cựu Tổng tham mưu trưởng Quân đội VNCH trong cuốn Những Ngày Cuối Của VNCH đã nói về tình trạng kiệt quệ đạn dược tiếp liệu của ta trong những năm 1974, 1975. Nhiều tài liệu sách báo khác cũng cho thấy những khó khăn khốn đốn của ta trước áp lực rất mạnh của Cộng Sản Bắc Việt, lại nữa thuyết Dominoes không còn giá trị, khi ấy người ta mới thấy rằng còn có nhiều nguyên nhân chính yếu khác đã gây nên sụp đổ chứ không phải chỉ do một mình ông Thiệu.

Mục đích của bài này chỉ là để tìm hiểu lịch sử.

Cuộc chiến tranh Đông Dương mà hơn 90% diễn ra tại Việt Nam đã được quốc tế hoá từ 1949, 1950. Tháng 10-1950 sau khi Mao nhuộm đỏ nước Tàu, thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hoà Quốc thì Việt Minh được Cộng Sản Quốc Tế viện trợ tối đa, họ đã thành lập được 40 ngàn quân chính qui, các trại huấn luyện quân sự mọc lên như nấm dọc theo biên giới Việt Hoa. Trước nguy cơ Cộng Sản lan tràn xuống Đông Nam Á, Mỹ vội nhảy vào cuộc chiến, tháng 10-1950 họ viện trợ cho Pháp 300 triệu đô la, hàng không mẫu hạm Mỹ chờ tới Sài Gòn 40 máy bay Hellcat cho Pháp. Cuộc chiến Đông Dương khởi đầu giữa Thế Giới Tự Do gồm Pháp - Mỹ và Cộng Sản Quốc tế do Trung Cộng đứng sau lưng Việt Minh, hồi ấy Trung Cộng chưa mạnh, còn là tay sai của Nga Sô.

Cuộc chiến Đông Dương kéo dài mấy chục năm cho tới thập niên 70 là giai đoạn chót, trong khi phía Cộng Sản Quốc tế gồm Nga Sô, Trung Cộng và các nước Đông Âu vẫn tiếp tục viện trợ không ngừng cho Cộng Sản Bắc Việt. Trong giai đoạn 1969-1972 họ viện trợ cho Bắc Việt 684,666 tấn vũ khí (Theo tài liệu của BBC.com, CSVN công bố trong cuộc Hội thảo tại Sài Gòn ngày 14-4-2006) và giai đoạn 1973-1975 là 649,264 tấn vũ khí, trong khi ấy Thế Giới Tự Do chỉ có một mình Mỹ đứng ra viện trợ cho Việt Nam Cộng Hoà, các nước đồng minh Tây phương Anh, Pháp... đã không phụ giúp Mỹ mà còn thọc gậy bánh xe phá Mỹ.

Năm 1968 trong trận Mậu Thân Việt Cộng thảm bại, tổng cộng có 58,372 cán binh bị giết, 9,400 người bị bắt, trong số trên 84,000 cán binh được đưa vào cuộc Tổng công kích, số chạy thoát chưa tới 20%. Phía VNCH thiệt hại 4,900 người, Đồng minh 4,120 người. Chúng ta đánh thắng một trận lớn nhưng ta thua cuộc chiến. Trận Tổng công kích của Việt Cộng đã thúc đẩy phong trào phản chiến tại Mỹ lên cao hơn rất nhiều, người dân Mỹ không tin tưởng chính phủ có thể thắng Cộng Sản tại Việt Nam. Năm 1969 Nixon lên nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ, thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh, họ đã bắt đầu nghĩ tới việc rút quân bỏ Đông Dương phần vì bị dân trong nước chống đối dữ dội, phần vì thuyết Dominoes không còn giá trị, từ 1970 họ đã đi đêm với Trung Cộng, ngày 9-7-1971 Kissinger đã bí mật gặp Chu Ân Lai tại Bắc Kinh.

Năm 1969 quân phí của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam lên tới đỉnh cao là 29 tỷ đô la, nhưng ngày càng tụt dần, tụt dần cho tới 1975 chỉ còn 700 triệu đô, tức là chỉ còn hơn 2%. Năm 1972 trên 500 ngàn quân đồng minh đã rút đi, VNCH một mình phải gánh vác chiến trường với quân số bị cắt giảm tới xương tủy. Trong khi Cộng Sản Quốc Tế kiên trì viện trợ cho Bắc Việt thì Hoa Kỳ lại chán nản, thay đổi chính sách tại Đông Dương. Đứng trước những thử thách lớn lao như thế VNCH thật khó mà vượt qua cơn nguy khốn.

I. Mặc dù ông Thiệu không phải là nguyên nhân duy nhất đưa tới sự sụp đổ miền Nam nhưng chế độ của ông cũng đã có nhiều khuyết điểm lớn. Liên danh Thiệu Kỳ đắc cử cuối tháng 10-1967, chấm dứt một giai đoạn biểu tình tuyệt thực nhiều nhưng, năm 1971 ông Thiệu tái cử độc diễn và đắc cử nhiệm kỳ hai. So với thời Đệ Nhất Cộng Hoà, chế độ Nguyễn Văn Thiệu dân chủ tự do hơn, chính sách cởi mở dễ thở hơn, công nhận chính trị đảng phái đối lập... nhưng kỷ cương lại thụt lùi. Về phương diện kỷ luật trong lãnh vực hành chánh quân sự thua kém thời ông Diệm nhiều. Chế độ chỉ nghiêm chỉnh được một thời gian ngắn rồi dần dần lụn bại trong vũng lầy thối nát.

Thật vậy, những năm đầu của chế độ 1967, 1968, guồng máy tương đối còn có kỷ cương nhưng dần dần đi tới chỗ tham nhũng thối nát tột độ, nó đã phá hoại kinh tế vật chất và làm suy sụp tinh thần quân dân. Tham nhũng hối lộ có từ thời Tây nhưng dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu đã tiến tới chỗ tột cùng của thối nát. Các chính phủ Quốc Gia từ thời Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Cao Kỳ... cũng ít nhiều có tham nhũng nhưng người dân còn chấp nhận được, đến thời Nguyễn Văn Thiệu thì thật hết chỗ nói. Sau khi miền Trung thất thủ lọt vào tay Cộng quân, chúng tôi có nghe một người làm cho chính phủ than thở.

"Chế độ Thiệu đi theo vết xe đổ của Tưởng Giới Thạch, các ông tỉnh trưởng chết gục trên đồng vàng!"

Nhà báo Phạm Huân có nói.

"Theo dư luận, cái giá để mua chức Tỉnh trưởng qua đường giây bà Thiệu, bà Khiêm, thường thường từ 10 đến 20 triệu"

Tệ nạn mua quan bán tước ngày càng lộ liễu hầu như công khai mà hầu như ai cũng đều thấy cả, những chức vụ, công việc hái ra tiền đều được mua bán trả giá sòng phẳng. Tại các bộ phủ, cơ quan trung ương cũng như trong quân đội các quan chức lớn tham lam vợ vét lộ liễu. Nguyễn Đức Phương nói các hình thức tham nhũng tại miền Nam đã được nhóm nghiên cứu thuộc tổ hợp Rand xếp thành bốn loại chính buôn lậu, hối lộ, mua quan bán tước và lính kiểng, lính ma Trong phim Việt Nam Thiên Sứ Truyền Hình (Vietnam History By Television), ông giám đốc CIA khi trả lời phỏng vấn cho biết tham nhũng (corruption) đã phát triển quá độ tại miền Nam VN, chỗ nào cũng có, chính phủ Mỹ biết rõ và họ đã phải che dấu không cho báo chí biết sợ đến tai Quốc Hội, viện trợ sẽ bị cắt giảm.

Tại các tỉnh, viện trợ kinh tế, xã hội, bình định phát triển.. bị đục khoét trầm trọng, tiền viện trợ Mỹ dùng vào mục tiêu kinh tế quân sự thì ít mà vào túi các quan lại tham ô thì nhiều. Tham nhũng vừa phá hoại kinh tế quốc gia, vừa làm suy yếu tinh thần người dân cũng như người lính chiến. Tham nhũng đã ngày càng đào sâu hố bất công xã hội tại miền Nam, ngày càng trở lên ghê tởm, trong khi binh sĩ chết như rạ ngoài mặt trận thì tại các thành phố lớn, nhà giàu mua xe hơi bóng lộn, xây nhà cao năm bảy tầng lầu. Con buôn đầu cơ tích trữ hái ra tiền nhờ chiến tranh rồi cho con cái đi du học ngoại quốc trong khi những kẻ sông pha mũi tên hòn đạn ngoài chiến trường phải chịu cảnh nghèo nàn thiếu thốn. Thực trạng xã hội đã ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần người chiến sĩ, họ phải hy sinh, chiến đấu cho một chế độ bất công thối nát, người dân thì bị quan chán nản không tha thiết ủng hộ chính quyền.

Khởi đầu từ 8 tháng 9 năm 1974, linh mục Trần Hữu Thanh Chủ tịch Phong trào Nhân dân chống tham nhũng cho phổ biến bản cáo trạng số 1 tố cáo ông Thiệu tham nhũng và yêu cầu từ chức. Tổng thống Thiệu bị tố tham nhũng nhiều vụ như nhà cửa, đất đai, đầu cơ phân bón, gạo miền Trung, buôn bán bạch phiến... phong trào lôi cuốn các nhóm khác như sinh viên, ký giả, chính khách.. Đầu tháng 2 năm 1975, phong trào phổ biến cáo trạng số 2 tố cáo ông Thiệu nhiều tội và hồ hào lật đổ bằng võ lực khiến ông ta phải dùng biện pháp mạnh cho bắt giam nhiều nhà chính khách, đảng phái. Phong trào chứng tỏ người dân đã phản uất với chế độ. Người dân trong nước chán nản, người Mỹ còn chán hơn thế nữa,

tiền của họ đổ vào từ bao lâu nay y như gió lùa vào nhà trống, cựu Đại sứ Bùi Diễm nói.

"Một quốc hội quá chán ngán chiến tranh và một môi vì đã yểm trợ một đồng minh có quá nhiều khuyết điểm và thối nát"

Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt, cựu Tư Lệnh Sư đoàn 2 BB trong hồi ký "Cuộc Chiến Dạng Dờ" của ông đã chỉ trích nạn bè phái, cho rằng nạn bè phái bổ nhiệm trong quân đội đã khiến cho nhiều người không có thực tài nắm giữ những chức vụ then chốt.

Một khuyết điểm lớn của cựu Tổng thống Thiệu là không nắm vững tình hình quốc ngoại cũng như quốc nội, Chuẩn Tướng Nhựt đã nhận xét như sau.

"Việc ông sửa đổi Hiến Pháp để làm Tổng Thống thêm một nhiệm kỳ năm năm nữa chứng tỏ ông đã không nhìn thấy việc Hoa Kỳ sắp bỏ rơi Việt Nam và đã làm xáo trộn thêm tình hình chính trị trong nước. Như Tướng Khiêm phải ra mặt chống đối Tổng Thống Thiệu vì ông Thiệu không giữ lời hứa là sau 2 nhiệm kỳ làm Tổng Thống của ông thì tới phiên ông Khiêm."

(Cuộc Chiến Dạng Dờ trang 273.)

Người ta đã có chính sách bỏ Đông Dương từ những năm cuối thập niên 60 và bắt đầu thực hiện dần dần vào đầu những năm thập niên 70, họ đã bắt đầu đi đèm với Trung Cộng nhưng ông Thiệu vẫn cho sửa Hiến pháp chuẩn bị ra ứng cử thêm một nhiệm kỳ nữa như thế ông không hay biết gì và quá lạc quan tin tưởng vào những lời hứa xuong của họ. Về điểm này, khi trả lời phỏng vấn của Phạm Huấn, Tướng Vĩnh Lộc nói ông Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ đã không chu toàn trách nhiệm, đại sứ không phải chỉ đi dự tiếp tân mà phải làm một điệp viên (spy) cung cấp tin tức mật cho chính phủ VNCH. Vì thiếu tin tức ông Thiệu đã không biết trước mưu đồ của người bạn Đồng minh ngõ hầu soay trở kịp thời khi hữu sự.

Ngay cả đối với tình hình quốc nội, ông Thiệu cũng không nắm vững, vì quá khinh địch cho rằng Cộng Sản Bắc Việt chưa phục hồi sau trận Mùa hè đỏ lửa, họ không đủ khả năng tấn công vào các thành phố lớn. Trong cuốn Decent Intreval, Frank Snepp, một chuyên viên cao cấp về phân tích tình báo chiến lược Hoa Kỳ thuộc văn phòng CIA ở Sài Gòn đã cho biết như sau.

"Một điệp viên trong bộ tham mưu thân cận của Tổng Thống Thiệu đã gửi một bản báo cáo tới mật về những kế hoạch và ước đoán của chính phủ Sài Gòn cho Bắc Việt. Theo báo cáo của tên gián điệp này thì vào hai ngày 9 và 10 tháng 12 năm 1974, có một phiên họp cao cấp về quân sự tại Sài Gòn nhằm vào việc thẩm định những dự tính của Hà Nội trong năm tới. Trong phiên họp này, các tướng lãnh cùng đồng ý với quan điểm của Tổng Thống Thiệu là trong những tháng sắp tới, Cộng Sản sẽ "chiến đấu trên một bình diện đại qui mô" hơn trong năm 1974, tuy nhiên sẽ không tổng tấn công như hồi năm Mậu Thân 1968. Tên điệp viên nói thêm rằng Tổng Thống Thiệu đã kết luận rằng các lực lượng Bắc Việt sẽ không đủ khả năng để tấn công chiếm giữ và bảo vệ các thành phố lớn."

(Trần Đông Phong trích dịch –Việt Nam Cộng Hoà, 10 Ngày Cuối Cùng)

Tài liệu phía Cộng Sản cũng có nói tới gần giống như vậy. Văn Tiến Dũng, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân đội Cộng Sản Bắc Việt, người chỉ huy trận chiến xâm lăng miền Nam 1975 đã ghi nhận trong hồi ký của y (Đại Thắng Mùa Xuân) như sau.

"Theo tin tình báo của ta, trong hai ngày 9 và 10 tháng 12 năm 1974, trong "Dinh Độc Lập", Thiệu họp với bọn tư lệnh các quân đoàn, quân khu ngụy để phán đoán hoạt động của ta trong năm 1975. Bọn chúng nhận định, "Trong năm 1975, ta có thể đánh với qui mô lớn hơn năm 1974 nhưng không như năm 1968 và không bằng năm 1972. Ta chưa có khả năng đánh thị xã lớn hoặc thành phố, dù có đánh cũng không giữ được. Ta chỉ có thể đánh loại thị xã nhỏ và cô lập như Phước Long, Gia Nghĩa. Do nhân định như vậy, chúng không thay đổi thế bố trí chiến lược mạnh hai đầu (quân khu 1 và quân khu 3) và chúng cũng chưa có sự tăng cường lực lượng gì lớn ở quân khu 2, trong đó có Tây Nguyên"

(Trang 40, 41)

Trong khi trên 80% lực lượng chính qui Bắc Việt đã có mặt tại miền Nam nhất là tại Quân khu I và II từ cuối 1974 và đầu 1975 với quân số và vũ khí đạn dược gấp bội lần năm 1972 mà ông vẫn không hay biết. Theo ông Cao Văn Viên, buổi họp cao cấp quân sự ngày 6-12-1974 nêu trên dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Thiệu đã nhận định.

"Buổi họp kết luận năm 1975 là năm Cộng sản sẽ tấn công miền Nam để phá hoại cuộc bầu cử VNCH trong năm 1975 và gây tiếng vang trong cuộc tranh cử Tổng thống Hoa kỳ cho năm 1976..."

(Những Ngày Cuối Của Việt Nam Cộng Hoà trang 96)

Như vậy chứng tỏ ông Thiệu đã khinh địch quá đáng, cho rằng CS chỉ đủ sức phá hoại cuộc bầu cử, không đủ khả năng đánh vào các thị xã...ông vẫn tin tưởng mình sẽ lên làm Tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa.

II. Chúng tôi xin sơ lược tình hình quân sự 1975.

Phía Việt Nam Cộng Hoà: Không quân có 2075 máy bay, đứng thứ tư trên thế giới về số lượng, binh chủng Thiết giáp có 2200 chiếc (hơn 50% là M-113 và các loại xưa cũ), Pháo binh gồm khoảng 1500 khẩu (hơn 50% là súng 105 ly, 25% loại 155 ly, 15% 175 ly). Hải quân có 1600 tàu chiến và giang thuyền đủ các loại. Lục quân có hơn một triệu, 40% là chủ lực chính qui khoảng 400 ngàn người gồm các lực lượng tác chiến và yểm trợ, 50% là Địa phương quân, nghĩa quân, không quân, hải quân, cảnh sát. Quân đội VNCH tổ chức theo lối Mỹ, một người tác chiến có năm người yểm trợ thuộc các ngành tài chánh, quân y, quân trang, quân dụng.. lực lượng chiến đấu chỉ vào khoảng từ 160 cho tới 180 ngàn người. Lính nhà nghề chỉ có 13 Sư đoàn (gồm 11 Sư đoàn bộ binh và 2 Sư đoàn tổng trừ bị) và 15 Liên đoàn Biệt động quân (có tài liệu nói 17 liên đoàn) tương đương hơn 2 Sư đoàn (một Liên đoàn trên thực tế có hơn 1000 người) bố trí như sau: Quân khu Một : 5 Sư đoàn và 4 Liên đoàn BĐQ, Quân Khu Hai: 2 Sư đoàn và 7 Liên đoàn BĐQ, Quân khu Ba: 3 Sư đoàn và 4 Liên đoàn BĐQ, Quân Khu Bốn : 3 Sư đoàn.

Phía Cộng Sản Bắc Việt: Theo tài liệu của Nguyễn Đức Phương và tài liệu phía Cộng Sản: Lực lượng chính qui Bắc Việt 1975 có 4 Quân đoàn (gọi theo thứ tự 1, 2, 3, 4) và đoàn 232 tương đương một Quân đoàn, mỗi Quân đoàn có 3 Sư đoàn, tổng cộng có 15 Sư đoàn chính qui, thêm vào đó một Sư đoàn đặc công, trên 10 trung đoàn độc lập, toàn bộ lực lượng vào khoảng 20 hoặc 21 Sư đoàn, trên 300 ngàn người. Lực lượng yểm trợ gồm trên 20 lữ đoàn, trung đoàn xe tăng, pháo binh, phòng không.

Hơn 80% bộ đội chính qui Bắc Việt đã có mặt tại miền Nam từ đầu năm 1975, họ để lại Quân đoàn I (gồm 3 Sư đoàn) ở ngoài Bắc làm lực lượng tổng trừ bị. Trọng pháo được ước lượng không chính xác vào khoảng trên 500 khẩu gồm 130 ly, 120 ly...xe tăng khoảng trên 600 chiếc đa số là xe T-54. Theo tài liệu Cộng sản (Dương Đình Lập, Trần Cao Minh, Cuộc Tiến Công Và Nổi Dậy Mùa Xuân 1975, trang 90, 91) tại Quân khu II lực lượng BV: 5 Sư đoàn và 4 trung đoàn bộ binh, tương đương 6 Sư đoàn. Tại Quân khu I, lực lượng Cộng quân gồm 8 Sư đoàn (theo ông Cao Văn Viên gồm 5 Sư đoàn và trên 10 trung đoàn độc lập, theo Nguyễn Đức Phương gồm 7 Sư đoàn và 4 trung đoàn độc lập)

Chúng tôi xin nêu thêm những khó khăn của VNCH trong giai đoạn này: sau Hiệp định Paris hơn nửa triệu quân Đồng Minh đã rút đi, Quân đội VNCH một mình phải gánh vác toàn bộ chiến trường với nhiều khó khăn thiếu thốn. Tháng 6-1973 Quốc Hội Mỹ biểu quyết cắt ngân khoản cho tất cả các hoạt động quân sự Mỹ tại Đông Dương Việt Miền Lào, được áp dụng từ giữa tháng 8-1973 cấm hoạt động quân sự trên toàn cõi Đông Dương. Tháng 10-1973 Quốc Hội Mỹ ra Đạo luật hạn chế quyền Tổng Thống về chiến tranh (Wars Powers Act), đòi hỏi Tổng thống phải tham khảo ý kiến Quốc Hội trước khi gửi quân đi tham chiến. Quân phí của Hoa kỳ trong chiến tranh Đông Dương tăng dần từ 1967 là 20 tỷ, năm 1968 lên 26 tỷ, năm 1969 lên tới đỉnh cao là 29 tỷ, nhưng năm 1970, 1971 tụt xuống còn 12 tỷ mỗi năm. Cuối 1972 Hoa Kỳ rút hết quân sau Hiệp định Ba Lê, năm 1973 viện trợ quân sự cho VNCH xuống còn 2 tỷ 1, năm 1974 chỉ còn 1 tỷ 4, năm 1975 tụt xuống còn 700 triệu trong đó kể cả ngân khoản để trả lương cho nhân viên DAO Hoa Kỳ.

Theo ông Cao Văn Viên (Những Ngày Cuối Của VNCH trang 86, 87, 92) Hậu quả của cắt giảm quân viện khiến cho Không quân VNCH phải giải tán hơn 200 phi cơ chiến đấu, oanh tạc, vận tải thám thính, giảm giờ bay thực tập và yểm trợ, yểm trợ giảm 50%, vận chuyển trực thăng giảm 70%, không vận bằng vận tải cơ bị cắt giảm 50%. Hoạt động Hải quân bị cắt giảm 50%, hoạt động từ tháng 7-1974 ở sông ngòi giảm 70%, giải tán 600 giang thuyền. Từ tháng 7-1974 quân đội chỉ xử dụng khoảng 19 ngàn tấn đạn một tháng so với 73 ngàn tấn một tháng thời gian trước đó, hoả lực giảm 60%. Vào tháng 2-1975, số lượng đạn tồn kho của tất cả các loại súng trường, phóng lựu, súng cối, đại bác, lựu đạn... tuột xuống con số nguy hiểm, chỉ còn đủ xử dụng từ 25 đến 31 ngày... Tháng 4-1975, đạn tồn kho ở bốn kho dự trữ tuột dốc xuống mức thấp nhất chỉ đủ xài từ 14 đến 20 ngày... Kể từ sau Hiệp định Paris VNCH không còn trông cậy vào yểm trợ của B-52 nữa. Theo cựu Tướng Viên nạn đào ngũ (trang 79) đã khiến cho quân số thiếu hụt, hàng tháng lính đào ngũ trung bình lên tới 1,5 hay 2 phần trăm tổng số quân và như vậy hàng năm quân đội mất đi gần 1/4 quân số, hàng năm phải tuyển mộ từ 200 tới 240 ngàn người để thay thế số thương vong, đào ngũ... nhưng trên thực tế không tuyển mộ được đủ số tân binh như phỏng định vì nạn trốn quân dịch.

Trong khi đó Cộng Sản Bắc Việt ngày càng gia tăng xâm nhập chuẩn bị đánh lớn, trong khi miền Nam bị Mỹ cắt giảm viện trợ thì **BV được Cộng Sản Quốc Tế giúp đỡ không ngừng nghỉ**. Trong buổi hội thảo qui mô tại Sài Gòn ngày 14 và 15-4-2006 do Viện Lịch Sử Quân Sự CSVN tổ chức, họ công bố khối lượng hàng viện trợ quân sự của CS quốc tế như sau: Trong giai đoạn 1969-1972 Nga, Tàu, Đông Âu.. đã viện trợ cho Bắc Việt 684.666 tấn vũ khí đạn dược, trong giai đoạn 1973-1975 họ viện trợ cho BV 649,246 tấn vũ khí đạn dược. Chúng ta thấy khối lượng hàng viện trợ trong hai giai đoạn tương đương nhau nhưng giai đoạn trước (1969-72) sự vận chuyển vũ khí đạn dược gặp nhiều trở ngại vì bị không lực Mỹ trải bom, đánh phá, trái lại giai đoạn sau (1973-75) đường xâm nhập gần như bỏ ngõ nên BV đã xử dụng 16 ngàn xe vận tải chuyên chở được nhiều vũ khí đạn dược gấp bội các giai đoạn trước.

Sau khi ký Hiệp Định Paris, Hà Nội cho khởi công xây tuyến đường xa lộ Đông Trường Sơn hay Hành lang 613 song song với đường mòn Hồ chí Minh nhưng nằm trong lãnh thổ VNCH, BV đã xử dụng hàng nghìn xe máy ủi, hàng vạn bộ đội, dân công, thanh niên xung phong... ngày đêm, phá núi san đèo, xây cống, làm đường, dựng cầu.... Tới 1975 thì hoàn tất công trình, tuyến đường rộng 8 m, dài 1200 km, đường dẫn dầu từ Quảng Trị tới Lộc Ninh, chiều dài toàn bộ 5 hệ thống trục dài 5,500 km, 21 trục ngang 1,020 km, hệ thống dẫn dầu dài 5,000km. Nhờ hệ thống xa lộ Đông Trường Sơn mà BV đã vận chuyển vào Nam một khối lượng rất lớn súng đạn. Sau 1975, CSBV tiết lộ trên báo Sài Gòn Giải Phóng số vũ khí đạn dược của họ năm 1975 coi như gấp 3 lần năm 1972, có thể họ phóng đại lên, nhưng chắc chắn đạn dược vũ khí của BV năm 1975 phải dồi dào hơn năm 1972.

Như chúng ta đã thấy, năm 1975 lực lượng BV tham gia cuộc tổng tấn công lên tới 20 Sư đoàn, gấp hai lần số Sư đoàn của họ tham chiến trong trận Mùa hè đỏ lửa năm 1972. Theo tài liệu Cộng Sản, tháng 10-1974 Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt đã trình kế hoạch tác chiến lên Bộ Chính Trị và Quân Ủy Trung ương, **họ lựa chọn chiến trường Tây Nguyên làm chủ yếu**. Bộ Chính trị CSBV đã đưa kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976 để chiếm miền Nam, họ chọn Tây Nguyên vì đây là quân khu rộng nhất của VNCH gồm 12 tỉnh mà chỉ có 2 sư đoàn bộ binh cơ hữu và 7 liên Liên Đoàn Biệt Động Quân bảo vệ. Ngày 9-11-1974 Quân Ủy Trung Ương họp quyết tâm đánh Ban Mê Thuột, chiến dịch được mang tên 275.

Ngày 13-12-1974, CSBV tấn công Phước Long, lực lượng trú phòng VNCH chiến đấu anh dũng cho tới 7-1-1975 thì thất thủ, trong số 4,500 binh lính, sĩ quan VNCH chỉ còn 850 người sống sót, còn lại bị giết, bị bắt. Một tiểu đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn địa phương quân không thể chống lại gần 3 Sư đoàn CSBV. Khi ấy ông Thiệu mới biết lực lượng địch không yếu như ông đã đánh giá. Chính phủ cho biết không thể tăng viện cho Phước Long vì không đủ khả năng tiếp tế, cứu viện bằng trực thăng từ Biên Hoà vả lại về mặt kinh tế, chính trị, Phước Long không bằng Pleiku, Tây Ninh, Huế... nên phải giữ lực lượng để bảo vệ các vùng khác. CSBV đánh Phước Long để thăm dò dư luận Mỹ và thấy Mỹ chỉ phản đối xuông. Người ta cũng cho rằng ông Thiệu cố tình hy sinh Phước Long để kéo Hoa kỳ trở lại yểm trợ cho VNCH.

Khi ấy ta biết chắc BV sẽ đánh lớn vào đầu năm 1975 nhưng chưa biết tại đâu. Đầu tháng 3-1975, BV vờ cho pháo kích Pleiku dữ dội để đánh lạc hướng nhử cho các đơn vị VNCH lên giải toả rồi cắt các

đường giao 19, 14, 21 dẫn đến Ban Mê Thuột, nghi binh thu hút quân đội VNCH về phía Bắc. Ban Mê Thuột là một tỉnh lớn tại Cao Nguyên với số dân khoảng 200 ngàn người, có nhiều đồn điền cà phê, trà, cao su... Trong trận tấn công này, BV không đóng quân ở vị trí xuất phát mà từ xa vận động tới, chuyển quân bằng xe Molotova, lần đầu tiên lính BV đánh trận bằng xe hơi, họ bỏ vòng ngoài, đánh thẳng vào thị xã, không đánh theo lối bóc vỏ.

Hai giờ sáng ngày 10 tháng 3, tổng cộng 12 trung đoàn CSBV tiến đánh Ban Mê Thuột sau khi pháo kích ồ ạt, đổ bão lửa lên thị xã, trong một ngày BV đã làm chủ tình hình. Quân trú phòng chỉ có 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 53 BB còn lại là địa phương quân, nghĩa quân, cảnh sát, theo Nguyễn Đình một nhân chứng tại đây cho biết tổng cộng chỉ vào khoảng 2000 người (Có lẽ khoảng 4,000 người vì Ban Mê Thuột là một tỉnh lớn). Tướng Phú cho trực thăng vận Liên đoàn 21 Biệt động quân xuống Buôn Hồ từ đó hành quân vào thị xã tiến chiếm Tiểu khu Ban mê Thuột nhưng không đạt được mục tiêu.

Trung đoàn 53 chiến đấu chống trả dữ dội cho tới ngày 17-3 thì chấm dứt, hầu hết các binh sĩ tử trận, theo Nguyễn Đình, Địa phương quân, nghĩa quân, Cảnh sát đã chiến đấu rất gay go anh dũng nhưng không thể chống lại áp lực quá đông đảo của BV. Kế hoạch phản công tái chiếm ban Mê Thuột thất bại vì ta không đủ lực lượng và lại các đường vào Ban Mê Thuột đã bị cắt. Theo hồi ký của Văn Tiến Dũng, khi chiếm xong Ban Mê Thuột, Tướng Cục trưởng hậu cần Bắc Việt Đinh Đức Thiện xoa hai bàn tay nói bỏ một vốn mà lời mười, ý nói lấy được rất nhiều đạn dược, vũ khí, tiếp liệu của ta trong kho.

Thiếu tướng Phạm Văn Phú mới nhận nhiệm vụ Tư lệnh Quân đoàn II được vài tháng kể từ 5-11-1974 nên chưa nắm vững tình hình. Ông được Phó Tổng Thống Trần Văn Hương đề nghị thay thế Trung tướng Nguyễn Văn Toàn bị tố cáo tham nhũng. Theo Phạm Huân, Quân Khu II lúng túng nội bộ, nhiều sĩ quan cao cấp của Quân đoàn vô kỷ luật, bất mãn không hợp tác với Tướng Phú, Tham mưu trưởng với bộ Tham mưu bất hợp tác, hai Tướng phó Tư lệnh hữu danh vô thực. Ông Nguyễn Đức Phương cho biết quân số của quân đoàn thiếu hụt, chưa tới 70%. Dư luận chung các giới chức quân sự, ký giả, sử gia.. đều cho rằng Tướng Phú không đủ khả năng chỉ huy một Quân đoàn nên đã để mất Ban Mê Thuột, ông Cao Văn Viên cho rằng việc thay đổi chức vụ Tư lệnh Quân khu II là một trong những nguyên do đưa tới sự thất thủ Ban Mê Thuột.

Nói về những nguyên do chính ta có thể kết luận Ban Mê Thuột mất vì:

- Lãnh thổ quá rộng thu hút gần hết chủ lực quân, lực lượng tổng trừ bị không còn, bố trí lực lượng không đủ đương đầu với áp lực địch..
- Thiếu tin tức tình báo.
- Sự sai lầm của Tướng Phú vì mắc lừa kế nghi binh của BV.

Theo ông Cao Văn Viên trong cuốn “Những Ngày Cuối Của VNCH” trang 129-130, một ngày sau khi Ban Mê Thuột bị BV tấn công, hôm 11-3-1975 ông Thiệu mời Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Trung Tướng Đặng Văn Quang cố vấn an ninh quốc gia và Đại Tướng Cao Văn Viên Tổng tham mưu trưởng đến Dinh Độc Lập ăn sáng và bàn luận tình hình. Ông cho biết với khả năng và lực lượng hiện có ta không thể đủ sức bảo vệ tất cả lãnh thổ, ta nên tái phối trí lực lượng để bảo vệ những vùng đông dân cư, trù phú. Theo ông những vùng quan trọng gồm vùng III và vùng IV, miền duyên hải và thêm lục địa, khi nói đến Vùng I và vùng II ông không tỏ vẻ lạc quan và tự tin, về Vùng II ông cho rằng Ban Mê Thuột và các tỉnh duyên hải cũng quan trọng, về Vùng I ông cho rằng giữ được phần nào thì giữ, nếu có đủ lực lượng ta sẽ giữ đến Huế hay Đà Nẵng, hoặc nếu không thì sẽ tái phối trí tại Chu Lai (dưới Đà Nẵng) hay Tuy Hòa. Như thế có nghĩa là rút lui bỏ gần hết các tỉnh vùng I và Vùng II để bảo vệ đồng bằng.

Ngày 12-3-1975 Hạ Viện Mỹ biểu quyết bác bỏ 300 triệu Mỹ kim quân viện bổ túc do Tổng Thống Ford đệ trình Quốc Hội, Đại Sứ Mỹ Martin cũng thông báo cho Tổng Thống Thiệu biết quân viện cho năm tới từ tháng 6 sẽ không được chuẩn chi, như thế VNCH chỉ còn đủ đạn để đánh trong vòng một vài tháng.

Ngày 13-3-1975 Tổng Thống Thiệu lệnh cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I về Sài Gòn họp Hội đồng an ninh Quốc Gia, thành phần gồm Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại Tướng Cao Văn Viên, Trung Tướng Đặng Văn Quang, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn Tư Lệnh Quân đoàn III. Tổng Thống Thiệu nói tình hình khó khăn do Mỹ cắt giảm quân viện, ông cho rằng Mỹ sẽ không can thiệp khi VNCH bị CSBV vi phạm Hiệp định, tấn công bằng quân sự nên ta phải tái phối trí lực lượng, rút

quân bỏ những miền rừng núi để giữ những vùng màu mỡ còn hơn phải đứng chung chính phủ Liên Hiệp với Cộng Sản.

Ngày 14-3 ông Thiệu bay ra Cam Ranh mở phiên họp cao cấp quân sự, có mặt Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Trung tướng Đặng Văn Quang, Đại tướng Cao Văn Viên, Thiếu tướng Phạm Văn Phú. Phạm Huân ghi lại theo lời kể của Tướng Phú, Tổng thống Thiệu cho biết Quốc hội Mỹ cắt quân viện, hủy bỏ những cam kết yểm trợ không lực khi Miền Nam bị Cộng Sản tấn công, lãnh thổ phòng thủ quá rộng nên ta phải tái phối trí lực lượng. Ông cho biết Tướng Phú phải rút quân bỏ Kontum Pleiku về duyên hải, Nha Trang sau đó sẽ hành quân tái chiếm Ban Mê Thuột. **Tướng Phú xin ở lại tử thủ** nhưng Tổng thống Thiệu bác bỏ, ông nói đó là quyết định chung của Hội đồng tướng lãnh. Ông Thiệu cho biết Tướng Phú phải dấu không được cho địa phương, các Tỉnh trưởng Quận trưởng biết, họ phải ở lại chiến đấu, các vị Tướng lãnh không có ai phản đối trừ Tướng Phú xin ở lại tử thủ. Về buổi họp này, Tướng Văn Tiến Dũng (TTM trưởng BV) ghi lời khai của Chuẩn tướng Phạm Duy Tất cũng gần giống như vậy, ông Cao Văn Viên cũng ghi lại chi tiết buổi họp cũng gần giống như lời Phạm Huân.

Trong buổi thảo luận ông Cao Văn Viên cho biết đường quốc lộ 21 về Nha Trang không thể xử dụng được vì đường 14 từ Pleiku tới Ban Mê Thuột đã bị BV cắt, đường 19 nối Pleiku với Qui Nhơn Cộng quân đóng chốt nhiều nơi, đèo An Khê bị cắt ở hai phía đông tây, ngoài đường số 7B không còn đường nào khác. Đường số 7B tuy tạo được yếu tố bất ngờ nhưng là con đường bỏ hoang cầu cống hư hỏng..

III. Kế hoạch được hợp thức hoá, lệnh triệt thoái được ban hành, chúng tôi xin lược diễn tiến quân sự tại Quân Khu II.

Ngày 16-3 đoàn xe bắt đầu rời Pleiku, Tướng Phú và bộ tư lệnh đi trực thăng về Nha Trang, Chuẩn tướng Phạm Duy Tất lo đôn đốc cuộc di tản, mỗi ngày một đoàn xe khoảng 200 hay 250 chiếc, ngày đầu êm xuôi vì bất ngờ.

Ngày hôm sau 17-3 dân chúng, gia đình binh sĩ chạy ụa theo, làm náo loạn gây trở ngại cho cuộc triệt thoái.

Ngày 18-3 tại Phú Bổn Việt Cộng đuổi theo pháo kích dữ dội gây thiệt hại hầu hết chiến xa và trọng pháo tại đây, Sư đoàn 320 BV đuổi theo đoàn xe triệt thoái từ 16-3 đến 18-3 vào Phú Bổn rồi tiếp tục đánh phá tới Củng Sơn. Các liên đoàn Biệt động quân, thiết giáp, bộ binh bị thiệt hại nặng, BV cũng xử dụng các chiến xa đại bác của ta bị bỏ lại để tấn công đoàn triệt thoái. Tại Phú Túc hỗn loạn diễn ra dữ dội. **Binh sĩ chửi rủa ông Thiệu suốt dọc đường vì đã gây lên cuộc lui binh thê thảm này**, theo Phạm Huân đây là một địa ngục, một hành lang máu. BV đóng chốt, một tiểu đoàn Địa phương quân và Biệt động quân được giao nhiệm vụ nhỏ chốt. Ngày 22-3, hai tiểu đoàn BĐQ đánh tan một trung đoàn BV, ngày 26-3 tổng cộng 300 xe (trong số 1200 xe) mở đường máu về được Tuy Hoà.

Theo Nguyễn Đức Phương (Việt Nam Chiến Tranh Toàn Tập) trong số 60 ngàn chủ lực quân chỉ có 20 ngàn tới được Tuy Hoà, 5 Liên đoàn BĐQ 7000 người chỉ còn 900 người. Lữ đoàn 2 Thiết Kỵ với trên 100 xe tăng nay chỉ còn 13 chiếc M-113. Ông Cao Văn Viên nói ít nhất 75% lực lượng, khả năng tác chiến của Sư đoàn 23 BB, BĐQ, Thiết giáp, Pháo binh, Công binh... bị hủy hoại trong vòng có 10 ngày.

Ngày 2-3 Tỉnh Quảng Đức di tản, binh sĩ quá mệt mỏi, tiếp liệu đạn dược thiếu hụt. Ngày 25, 26 tháng 3 Sư đoàn 7 CSBV tấn công chiếm Định Quán, Hoài Đức Giá Rai.. rồi tiến vào Lâm Đồng khiến cho tỉnh lỵ này phải di tản ngày 27-3, mấy ngày sau Đà Lạt cũng di tản. Tại Duyên hải Sư đoàn 22 BB vẫn giữ được phòng tuyến tại Bình Khê trên quốc lộ 19, hai Trung đoàn 41, 42 của Sư đoàn 22 BB chống trả mãnh liệt cuộc tấn công của Sư đoàn 3 CS dưới chân đồi Bình Khê, hai bên giằng co nhau từng ngọn đồi, Cộng quân bị thiệt hại nặng. BV tăng cường Trung đoàn 95B, Sư đoàn 968 để tấn công hai trung đoàn VNCH nhưng ta vẫn giữ được phòng tuyến cho đến 30-3. Ngày 1-4 ba tàu Hải quân cập bến Qui Nhơn để chở đám binh sĩ còn lại của 2 trung đoàn 41, 42, tất cả chỉ còn khoảng 2000 người, **Trung tá Nguyễn Hữu Thống, Trung đoàn trưởng trung đoàn 42 từ chối di tản, ở lại tử sát**. Trung đoàn 47 thuộc sư đoàn 22 sau 3 ngày chiến đấu tại Bồng Sơn rút về căn cứ không quân Phù Cát ngày 28-3, sau hai ngày cố thủ bị đánh bật ra khỏi phi trường Phù Cát, Trung đoàn 47 mất một nửa quân số coi như bị

loại khỏi vòng chiến.

Ngày 2-4 Cộng quân tiến chiếm Tuy Hoà, ĐPQ rút về Nha Trang. Tại Khánh Dương Sư đoàn 10 BV và Lữ đoàn Dù giao tranh dữ dội ngày 27-3, BV được pháo binh, xe tăng yểm trợ, đã phá được phòng tuyến VNCH. Tiếp viện cho Lữ đoàn Dù bị chặn đánh, lính nhảy dù chiến đấu anh dũng suốt một tuần lễ thì thất thủ ngày 2-4. Lữ đoàn đã tan rã trước lực lượng đông đảo của BV chỉ còn 300 người chạy về Nha Trang, thành phố nghỉ mát này đã trở thành vô chính phủ, hỗn loạn diễn ra dữ dội đầu tháng 4, làn sóng tỵ nạn từ miền Trung đổ về đã lôi kéo Nha Trang di tản. Từ 4-4-1975 Bộ TTM quân đội VNCH bèn lấy Phan Rang và Phan Thiết sáp nhập vào Quân khu III.

IV. Chúng tôi xin sơ lược tình hình chiến sự tại Quân Khu I.

Như đã trình bày ở trên, ngày 13-4 Trung tướng Ngô Quang Trường, Tư lệnh Quân đoàn I bay về Sài Gòn họp Hội đồng an ninh Quốc gia, hôm sau 14-3 ông trở về Quân đoàn I để thảo luận kế hoạch tái phối trí. Sư đoàn Dù sẽ rút về Sài Gòn, hôm sau Liên đoàn 14 BĐQ nhận vùng trách nhiệm của Lữ đoàn TQLC 369 tại Quảng Trị để Lữ đoàn này về Phú Lộc thay Lữ đoàn Dù, một Lữ đoàn TQLC sẽ chịu trách nhiệm khu vực sông Bồ để bảo vệ Huế. Như chúng ta đã biết cũng trong ngày 14 này Ông Thiệu họp với các vị Tướng lãnh tại Cam Ranh để ban lệnh triệt thoái Quân đoàn II.

Ngày 17-3 Lữ đoàn 258 TQLC sẽ rời Quảng Trị để về Đà Nẵng thay Lữ đoàn II Nhảy Dù. Dân chúng sợ hãi di tản ồ ạt trên Quốc lộ I từ mấy ngày nay làm cản trở việc điều quân tái phối trí. Ngày 18-3 Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm ra Đà Nẵng để giải quyết vấn đề tỵ nạn, ông cho Tướng Trưởng biết sẽ không tăng viện cho Quân khu I vì tình hình Quân khu III nghiêm trọng, CS áp lực Tây Ninh, Long Khánh, Bình Tuy.

Ngày 19-3 Trung Tướng Ngô Quang Trường được mời về Sài Gòn họp lần thứ hai, thành phần phiên họp cũng như lần trước nhưng có thêm Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Tướng Trưởng trình bày hai kế hoạch lui binh.

Kế hoạch Một: Các đơn vị sẽ theo Quốc Lộ Một từ Huế (trên Đà Nẵng), Chu Lai (dưới Đà Nẵng) về Đà Nẵng, trong trường hợp Quốc lộ Một bị địch cắt thì sẽ theo kế hoạch Hai.

Kế hoạch Hai: Các lực lượng Quân đoàn sẽ tập trung tại ba cứ điểm Huế, Đà Nẵng, Chu lai. Tàu Hải quân sẽ chuyên chở lính từ Huế, Chu Lai về Đà Nẵng . Trong cả hai kế hoạch Đà Nẵng vẫn là điểm tựa cuối cùng. Tướng Trưởng đề nghị giữ ba cứ điểm để phân tán lực lượng địch và gây tổn thất tối đa cho họ, ông Thiệu cho biết giữ được bao nhiêu hay bay nhiều. Kế đó Tổng Thống lệnh cho Tướng Quang soạn bài hiệu triệu để ông đọc trên đài phát thanh Huế trấn an dân, chính phủ quyết tâm bảo vệ Huế tới cùng.

Tình hình thay đổi nhanh chóng, ngày 19-3 Quảng Trị bỏ ngõ, Chi đoàn Thiết giáp, Liên đoàn 14 BĐQ rút về bên này Mỹ Chánh lập phòng tuyến mới. Nhận thấy Quân đoàn II đang bị tan rã trên đường triệt thoái, Cộng quân thừa thắng bắt đầu tấn công mạnh vào Quân khu I. Theo Tướng Hoàng Lạc, Giám mục Phạm Ngọc Chi địa phận Đà Nẵng và Giám mục Nguyễn Kim Điền khuyên không nên đổ máu vô ích vì các siêu cường đã sắp đặt cả rồi.

Sáng 20-3 Tướng Trưởng bay ra bộ chỉ huy tiền phương họp các cấp chỉ huy bàn kế hoạch phòng thủ Huế như Tổng Thống đã ra lệnh giữ bằng mọi giá. Tình hình mặt trận tương đối còn tốt đẹp, các đơn vị hoàn hảo, tinh thần cao duy trì được kỷ luật, ai nấy đồng lòng tử thủ, dân chúng di tản nhiều. Tướng Trưởng lạc quan thấy tình hình phòng thủ tốt đẹp. Trưa hôm 20-3 bài hiệu triệu của ông Thiệu được truyền đi trên đài phát thanh Huế. Chiều hôm ấy Tướng Trưởng về tới Đà Nẵng thì nhận được lệnh hoãn tốc của Dinh Độc Lập chỉ giữ đến Đà Nẵng thôi (có nghĩa là bỏ Huế) vì không đủ quân để bảo vệ cả ba cứ điểm Huế, Đà Nẵng, Chu Lai. Theo Tướng Hoàng Lạc, ông Ngô Quang Trường đánh điện về Sài Gòn xin từ chức nhưng không được chấp thuận.

Quân khu I ngày một nguy ngập, Cộng quân đã bắt đầu tấn công mạnh theo thế gọng kìm từ trên Quảng Trị đánh xuống và từ dưới Quảng Ngãi đánh lên, dân chúng chạy loạn ồ ạt từ Huế kéo về Đà Nẵng, từ

Quảng Nam Quảng Ngãi kéo lên. Ngày 21-3 Việt cộng tấn công Phú Lộc, áp lực mạnh trên Quốc lộ Một, dân tản cư đông như kiến từ Huế về Đà Nẵng. Sư đoàn I VNCH có pháo binh và không quân yểm trợ đẩy lui cuộc tấn công của địch nhưng họ có ưu thế về quân số nên Sư đoàn 1 cầm cự đến trưa ngày 22 thì thất thủ, Trung đoàn 1 BB (SĐ1) và Liên đoàn 15 Biệt động quân bị đẩy lui, một khúc đường Quốc lộ Một bị cô lập, Trung đoàn 1 bị thiệt hại nặng, Tướng Trưởng ra lệnh thu gọn tuyến phòng thủ Huế.

Dân chúng và quân cụ bắt đầu được chở bằng tàu ra khỏi Đà Nẵng, ngày 23 -3 Việt Cộng pháo kích Huế rời rạc không gây thiệt hại gì nhiều nhưng khiến dân chúng hốt hoảng nao động như hỗn loạn. Tại phía Nam Vùng I tình hình nguy ngập khi quận Hậu Đức, Tiên Phước thuộc Quảng Tín bị Việt cộng chiếm, Sư đoàn 2 và Liên đoàn 12 BĐQ chặn được áp lực địch tấn công về Tam Kỳ và các vùng duyên hải. Trước áp lực dồn dập của Cộng quân Tướng Trưởng ra lệnh di tản 2 quận Sơn Trà, Trà Bồng Quảng Ngãi, những tiền đồn xa tiếp tế cũng được di tản, Tướng Trưởng cho gom các lực lượng rời rạc lại để bảo vệ những điểm trọng yếu vào trận cuối cùng. Sự chỉnh đốn của Tướng Trưởng đem lại chút yên gượng gạo cho 2 tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Tín trong 2 ngày.

Sáng ngày 24-3 tại phía Nam Quân khu I, BV tấn công mạnh tại Quảng Tín, Sư đoàn 711, Trung đoàn 52 và xe tăng đánh Tam kỳ, đặc công đột nhập tỉnh lỵ thả tù gây rối loạn đến trưa thì Tam Kỳ thất thủ. Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 3 từ Quảng Nam được lệnh tiến về Quảng Tín để giúp ĐPQ chạy từ Tam Kỳ về... Tam kỳ mất, dân ùn ùn chạy về Đà Nẵng. Tại Quảng Ngãi Cộng quân tấn công gấp rút dữ dội, đặc công và địa phương quân Việt Cộng tại Quảng Ngãi tấn công phi trường, các cơ sở hành chính quân sự Quảng Ngãi. Đường Quốc lộ Một từ Quảng Ngãi tới Chu Lai bị cắt đứt, đường ra biển bị cô lập, chỉ trong một ngày tình hình Quân khu I rối loạn đến mức không còn kiểm soát được nữa. Quân đoàn chấp thuận cho Tiểu khu Quảng Ngãi mở đường máu về Chu Lai nhưng chỉ có vài đơn vị về được.

Ngày 25-3 tất cả các đơn vị Quân đoàn I tụ lại 3 phòng tuyến chính: Nam Chu Lai, Đà Nẵng và Bắc Huế, các lực lượng của Quân đoàn 1 bị thiệt hại nhiều khi di tản về các phòng tuyến này, tinh thần binh sĩ xuống thấp. Trong tình thế khó khăn Tướng Trưởng lại nhận thêm một lệnh nữa từ dinh Độc Lập, Tướng Thiệu lệnh cho Tướng Trưởng dùng ba Sư đoàn cơ hữu của Quân đoàn 1, 2, 3 để phòng thủ Đà Nẵng, Sư đoàn TQLC đóng vai trò bị. Đêm đó Tướng Trưởng cho Sư đoàn 1 và các đơn vị quanh Huế rút về Đà Nẵng, ông lệnh cho Sư đoàn 2, Chi khu Quảng Ngãi và thân nhân của họ rút ra Cù Lao Ré, một đảo ngoài khơi Chu Lai. Hai tàu dương vận hạm đón Sư đoàn 2 tại Chu Lai đưa về Cù Lao Ré, cuộc vận chuyển thành công hơn mặc dù có hỗn loạn nhưng một nửa quân số của Sư đoàn 2 đã lên tàu đưa về Bình Tuy, chính phủ tuyên bố Huế và Chu Lai thất thủ ngày 25-3.

Các lực lượng Huế bắt đầu di tản, Sư đoàn 1 và các đơn vị cơ hữu rút ra cửa Tư Hiền. Hải quân và công binh sẽ bắc cầu để quân di tản đi ngược vào đất liền rồi dùng đường bộ về Đà Nẵng. Sư đoàn TQLC và các đơn vị trực thuộc sẽ triệt thoái bằng tàu Hải quân. Sáng ngày 26-3 biển sóng to làm đình trệ cuộc vận chuyển, cầu nối giữa Tư Hiền và đường bộ chưa hoàn tất. Đến trưa thủy triều dâng cao không thể vượt biển được trong khi ấy Việt Cộng đuổi theo nã pháo vào cửa Tư Hiền và các địa điểm tập trung quân gây nhiều thiệt hại, hỗn loạn diễn ra không còn quân kỷ, Sư đoàn I tan rã tại đây chỉ có một phần ba về được đến Đà Nẵng, tới nơi họ rã ngũ đi tìm thân nhân.

Trong khi đó thì Lữ đoàn kỵ binh với hơn 100 thiết giáp các loại từ mặt trận Bắc Huế tiến về cửa Thuận An, theo sau là các đơn vị pháo binh với hàng trăm khẩu pháo, TQLC, BĐQ, ĐPQ... từ tuyến sông Bồ đang lũ lượt kéo về, hỗn loạn diễn ra. Hai tàu dương vận hạm đến cửa Thuận An để chờ TQLC, tàu hải vận đình và quân vận đình chờ người từ bờ ra dương vận hạm, hỗn loạn ngày càng dữ hơn. Cộng quân pháo kích vào địa điểm tập trung quân gây thiệt hại nặng, nhiều người phải tự tử tập thể vì tuyệt vọng.

Sư đoàn 325 CS chuyển vào Quảng Nam phối hợp với Sư đoàn 304 CS tấn công Đà Nẵng, Sư đoàn 2 CS cũng tiến về thành phố. Quân đội VNCH lập phòng tuyến phòng thủ bảo vệ Đà Nẵng, phía Tây 2 lữ đoàn TQLC, phía Nam Sư đoàn 3 và ĐPQ Quảng Nam. Ngày 27-3 Các cuộc phòng thủ Đà Nẵng thành ra vô hiệu trước sự hỗn loạn, Việt cộng dồn nỗ lực bao vây thành phố. Từ bắc Đà Nẵng hai Sư đoàn 324B và 325C CSBV cùng với Trung đoàn xe tăng và hai Trung đoàn pháo tiến dọc theo thung lũng Voi bao vây thành phố, phía Nam Sư đoàn 711, 304 tiến chiếm Đại Lộc và Dục Đức, Đà Nẵng đã nằm trong tầm pháo của quân thù. Tại đây nay Quân đoàn I chỉ còn có Sư đoàn 3 và 2 lữ đoàn TQLC, các Sư

đoàn 1 và 2 đã bị rã ngũ trên đường triệt thoái, một phần đã được tàu chở ra khơi, lực lượng không đủ để đương đầu với áp lực của BV, lại nữa thành phố với hàng triệu người tỵ nạn đã trở nên hỗn loạn không thể nào kiểm soát được.

Sáng ngày 28-3 Tướng Trưởng họp khẩn cấp các đơn vị trưởng ban hành một số biện pháp văn hời trật tự và tái trang bị các đơn vị di tản trong thành phố nhưng ta không còn đủ quân tác chiến để thực hiện kế hoạch này. Các quân nhân có mặt được sung vào các đơn vị tác chiến nhưng không đủ để bù vào thiệt hại do cuộc triệt thoái gây ra. Trưa 28 phòng 2 thuộc Bộ TTM cho Quân đoàn I biết Cộng quân có thể tấn công trong đêm, Sư đoàn 1 Không quân được lệnh di tản về Phù Cát, Phan Rang, Quân đoàn 1 ban lệnh ứng chiến tại các tuyến phòng thủ. Hai giờ trưa các xã ấp quanh Đà Nẵng đã lọt vào tay Cộng quân. Địa phương quân, nghĩa quân tan rã, binh sĩ rã ngũ rời đơn vị.

Việt Cộng pháo phi trường, căn cứ Hải quân khi trời vừa tối rất dữ dội và chính xác nhờ những toán đặc công, tiền pháo viên chỉ điểm hướng dẫn. Tướng Trưởng vội báo cáo về Bộ Tổng tham mưu và gọi cho Tổng thống Thiệu xin di tản bằng đường biển. Ông Thiệu không ra lệnh rõ ràng. Pháo kích của VC khiến cho liên lạc giữa Sài Gòn và Đà Nẵng bị cắt đứt, Tướng Trưởng lập tức ra lệnh bỏ Đà Nẵng, ông họp với Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại Tư lệnh Hải quân vùng I và các cấp chỉ huy để hẹn địa điểm rút quân tại : chân đèo Hải Vân , núi Non Nước và cửa khẩu Hội An.

Rạng sáng ngày 29-3 sương mù bao phủ dọc theo bờ biển, ngoài khơi tàu đã có mặt ở điểm hẹn, thủy triều thấp tàu không vào bờ được, binh sĩ phải lội ra biển. Cuộc di tản êm xuôi cho đến khi khi Việt Cộng phát hiện chúng bèn pháo kích vào địa điểm tập trung quân và tàu ngoài khơi gây nhiều thiệt hại, đoàn tàu di tản được 6000 TQLC, 3000 lính sư đoàn 3 và nhiều đơn vị khác.

Đà Nẵng được coi như thất thủ ngày 29-3-1975. Có tài liệu cho biết ta mất 130 máy bay tại Đà Nẵng, năm 1976 Tướng Trưởng trả lời một cuộc phỏng vấn cho biết khoảng 6,000 TQLC, non nửa lực lượng của Sư đoàn và khoảng 4,000 quân thuộc các binh chủng khác đã được tàu bè cứu thoát. Tướng Nguyễn Duy Hình Tư lệnh Sư đoàn 3 cho biết trong số 12,000 người của Sư đoàn 3 chỉ có 5,000 đến được điểm tập trung và sau cùng chỉ có 1000 người lên được tàu. Tổng cộng có 70 ngàn người dân và 16 ngàn lính được cứu thoát, 4 Sư đoàn kể cả TQLC bị thiệt hại nặng nề không thể gọi là đơn vị chiến đấu được nữa. Tất cả quân trang quân dụng, vũ khí, xe tăng đại bác... của Quân khu I coi như mất hết, một phần lớn lọt vào tay Cộng quân.

Quân khu I thất thủ một cách dễ dàng trong khoảng 10 ngày, không có lực lượng nào được tổ chức để đánh trì hoãn khi Quân đoàn di tản. Cuộc lui binh thất bại coi như tồi tệ so với Quân đoàn 2, sự thiệt hại về nhân mạng cao hơn nhiều. Cuộc lui binh tại Huế cũng như tại Cao nguyên đã đi vào vết xe đổ của trận Cao Bắc Lạng ngày tháng 10 năm 1949 khiến cho binh đoàn Charton của Pháp bị Việt Minh đánh tan rã.

V. Trước hết chúng tôi xin đề cập tới sự thất bại của cuộc triệt thoái của Quân đoàn II. Ngày 16-3 lệnh di tản được ban hành cuộc triệt thoái bắt đầu, theo Đại tá Phạm Bá Hoa khi ta rút khỏi Pleiku và Kontum 4 ngày rồi CSBV mới tiến quân vào hai tỉnh lỵ này, chúng còn đóng quân ở xa nhưng **Tướng Phú đã quá sợ hãi tướng bị địch bao vây.** Một lỗi lầm tai hại là đường rút quân tỉnh lộ 7B lại gần vị trí đóng quân của BV, Sư đoàn 320 CSBV đóng tại Buon Hô, Ban Mê Thuật được lệnh đuổi theo ngày 16-3, chỉ hai ngày là chúng đã đuổi kịp. Ngày 18-3 BV pháo kích phi trường gây kinh hoàng cho đoàn di tản. Lực lượng chiến xa pháo binh dồn đồng tại Phú bồn bị thiệt hại nặng tới 70%, 40 chiến xa, 8 khẩu 175 ly bị phá huỷ.

Ngoài ra vì không nghiên cứu lộ trình, cầu cống hư hỏng, đường xá cũ kỹ chật hẹp làm cho cuộc chuyển rất chậm nên Cộng quân đuổi theo kịp. Thiếu chuẩn bị, không lập kế hoạch lui binh, lệnh hành quân quá gấp rút, không kiểm soát đôn đốc cấp chỉ huy, gia đình binh sĩ, dân chúng làm rối loạn hàng ngũ quân đội, không duy trì được kỷ luật, trong khi đó BV ở gần đường triệt thoái.

Tháng 3 năm 1981, đài VOA có tường thuật về cuộc triệt thoái tại Quân khu II và bình luận đây là cuộc thảm bại lớn nhất trong cuộc chiến tranh tại miền Nam Việt Nam. **Cuộc triệt thoái Cao nguyên đã ảnh hưởng tệ hại tới Quân khu I.** Sau khi Quân đoàn II bị thiệt hại nặng tan rã trên đường triệt thoái từ

ngày 18, CSBV đoán biết ta sẽ lui binh tại Quân khu I nên thừa cơ tấn công Quân khu I từ ngày 20 theo thế gọng kìm Từ Bắc đánh xuống, Nam đánh lên. Nguyễn Đức Phương cho rằng chiến tranh tâm lý có lẽ là nguyên nhân thất thủ tại Quân khu I, thật vậy tin đồn cát đất nhường hai quân khi I, II cho CSBV đã được loan truyền đi khiến dân chúng di tản làm náo loạn cả lên, quân nhân bỏ hàng ngũ tìm gia đình khiến cho đơn vị rã ngũ nhanh chóng.

Ông Thiệu cho rút Sư đoàn Dù về Sài Gòn khiến dân chúng hốt hoảng đổ dồn về Đà Nẵng gây hỗn loạn, ngày 20-3 **ông vừa kêu gọi từ từ Huế trên đài phát thanh, hôm sau lại ra lệnh bỏ Huế** khiến quân dân hoang mang, nhiều đơn vị trưởng, cấp lớn bỏ hàng ngũ chạy trước khiến cho các đơn vị tan hàng gây hỗn loạn. Các địa điểm tập trung quân tại cửa Thuận An, Tư Hiền không được phòng thủ bảo vệ bị pháo kích thiệt hại nặng. Ông Cao Văn Viên cho rằng tình hình quân sự xấu đi một cách nhanh chóng vì sự xa sút tinh thần và những rối ren lung tung của ta hơn là vì áp lực địch, dân tị nạn làm náo loạn hàng ngũ quân đội.

"Sự hỗn loạn thất bại của cuộc tái phối trí ở vùng Một xảy ra không phải vì áp lực của Cộng quân mà vì tinh thần chiến đấu của quân ta không còn nữa"

Triệt thoái vội vã, không có kế hoạch, lịch trình, sự phối hợp Quân đoàn và Hải quân lỏng lẻo nên đã thất bại ngay từ đầu, theo ông Cao Văn Viên sự tái phối trí lực lượng là do **một mình ông Thiệu nghĩ ra**, ông ấy không bàn với ai, chỉ họp Hội đồng Tư lệnh rồi ban hành. Cũng theo Tư lệnh Viên đó là một kế hoạch đúng nhưng đã quá trễ, đúng ra phải thực hiện từ 6 tháng trước đó.

Ông Cao Văn Viên trong "Những Ngày Cuối VNCH", trang 146 cho biết sau khi Ban Mê Thuột mất, lực lượng ta trong phạm vi KonTum - Pleiku vẫn còn mạnh: một tiểu đoàn của Trung đoàn 45, năm Liên đoàn Biệt Động Quân, Thiết đoàn 21 kỵ binh (xe tăng M-48), hai tiểu đoàn pháo binh 155 ly, một tiểu đoàn 175 ly, nghĩa quân, địa phương quân, Liên đoàn Công binh chiến đấu, Liên đoàn 231 tiếp liệu, 20 ngàn tấn đạn, bom của bộ binh, không quân; nhiên liệu đủ cung cấp cho 45 ngày, thực phẩm cho 60 ngày.

Trang 134, sách đã dẫn Cựu Tư lệnh Viên có nói.

" Nghĩ lại việc đã qua, câu hỏi là miền Nam có sống sót nếu chúng ta không áp dụng kế hoạch tái phối trí lực lượng quân sự hay không. Bây giờ nói thì sự đã rồi, nhưng tác giả tin miền nam có nhiều cơ hội hơn nếu không thực hiện tái phối trí. Tinh thần chiến đấu của quân đội VNCH và nhân dân bị hủy diệt là hậu quả trực tiếp của kế hoạch tái phối trí. Không có kế hoạch đó, có lẽ quân đội của chúng ta không tan rã nhanh như vậy. Chúng ta có thể mất đi một phần của sư đoàn 23 BB nhưng tất cả những đơn vị khác vẫn còn nguyên vẹn. Dù lấy được Ban Mê Thuột Cộng quân vẫn phải ngừng lại, suy tính kỹ trước khi mở một mặt trận mới ở vùng II. Vùng II vẫn còn Sư đoàn 22BB, cộng thêm với một lực lượng tương đương với 2 sư đoàn bộ binh và hai sư đoàn không quân. Vùng II có đủ quân nhu và tiếp liệu để chiến đấu đến hết mùa khô. Không có kế hoạch tái phối trí, tác giả không nghĩ Cộng Sản có thể thành công, đánh nhanh và chiến được nhiều đất như họ đã làm ở vùng I. Tình hình quân sự nhân lực của VNCH vẫn gặp những khó khăn dai dẳng như trước khi có quyết định tái phối trí: thiếu thốn về quân viện; không còn nhân lực để lập thêm những đơn vị tổng trừ bị. Nhưng ít ra quân đội VNCH sẽ không tan rã nhanh chóng như khi quyết định tái phối trí được thực hiện".)

Các giới chức quân sự, chính trị, truyền thông... cũng cho rằng nếu ta không rút, cứ đánh chưa chắc đã thua. Sách Mạnh Tử có câu "*Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hoà*", Ngài giảng: Kẻ địch cất quân sang đánh nước ta là chúng có thiên thời, nước ta có núi non hiểm trở, thành lũy cao, hào sâu là ta có địa lợi, nhưng khi quân địch vừa tới, binh sĩ ta quăng gươm giáo bỏ chạy là vì ta không có nhân hoà" (ta không được lòng người). Thật vậy chúng ta lui binh tức là từ bỏ ưu thế địa lợi để rồi mất luôn cả ưu thế nhân hoà.

Trước một kế hoạch ảnh hưởng tới sự tồn vong của đất nước **đúng lý ra ông Thiệu cần phải hội thảo bàn luận với các vị Tư lệnh, Bộ Tổng Tham Mưu... để lấy quyết định chung** nhưng trên thực tế ông chỉ hội họp để thông báo quyết định của mình. Nếu ông đề cho các vị Tư lệnh bàn thảo thì đã tránh được trách nhiệm bản thân, các vị Tư lệnh Quân đoàn đều muốn tử thủ nhưng ông lại ra lệnh lui binh.

Lịch sử đã chứng tỏ rằng sự tập trung quyền hành trong tay một người đã đưa tới những sai lầm trầm trọng như Hitler đã làm tiêu tan nguyên một lộ quân ba trăm ngàn người trong trận Stalingrad 1942 vì quá độc tài.

Về hậu quả tai hại của kế hoạch rút quân di tản hai quân khu kể trên đã có nhiều giả thuyết, nhận định của các giới chức quân sự, chính khách, sử gia, ký giả... chúng ta có thể chia làm ba nhóm chính.

- Ông Nguyễn Văn Thiệu là một nhà quân sự dở, không đủ khả năng để chỉ huy, điều động những đại đơn vị.
- Ông chơi cờ bạc thâu cá, giả vờ thua chạy để dụ người Mỹ nhảy vào can thiệp.
- Ông làm theo lệnh của người Mỹ.

Nhiều người nghĩ có lẽ ông là một nhà quân sự dở, mà cũng có thể cả ba giả thuyết này đều đúng. Ngày 14-3 ông ra lệnh cho Tướng Phú rút quân khỏi Kontum, Pleiku xuống Tuy Hoà, từ đó về Nha Trang, rồi từ Nha Trang đi ngược lên Cao nguyên tái chiếm Ban Mê Thuột. **Kế hoạch có nhiều điều vô lý khó hiểu**, con đường đi theo hình chữ U như vậy dài gấp mấy lần đường từ Pleiku thẳng xuống Ban Mê Thuột, nó sẽ vô cùng khó khăn trắc trở cho cuộc hành quân nhất là khi ta đang thiếu thốn về tiếp liệu. Từ những sự vô lý đó đã đưa đến nhiều giả thuyết như đã nêu trên.

Napoléon nói "*Thượng đế chỉ đứng về phía kẻ nào có nhiều đại bác*" nhưng thực tế đã chứng tỏ lời của ông đã không hoàn toàn đúng. Tại trận Borodino, nước Nga năm 1812, lực lượng Pháp mạnh hơn Nga, Napoléon áp dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung cố hữu, ông cho tập trung hơn 200 cỗ đại bác bắn nát như mục tiêu rồi cho kỵ binh và bộ binh xung phong tấn công nhưng quân Nga vẫn gan lì giữ vững vị trí. Đây là lần đầu tiên Napoléon thất bại, như vậy không hẳn nhờ hoả lực mạnh mà thắng vì còn phải kể tinh thần binh sĩ. Theo ông Cao Văn Viên sự thất bại của cuộc lui binh không phải do ở áp lực địch mà vì tinh thần chiến đấu của quân ta không còn nữa.

Cuối tháng 3-1975 Quân khu I hoàn toàn do CSBV kiểm soát, Quân khu II coi như mất hết chỉ còn 2 tỉnh Phan Rang và Phan Thiết được sáp nhập vào Quân Khu III. Kế hoạch tái phối trí đã gây thiệt hại khoảng 40% vũ khí, đạn dược, tiếp liệu, quân nhu... toàn quốc của VNCH, một số lượng lớn đã lọt vào tay CSBV. Miền Nam đã thiếu hụt nhiên liệu, đạn dược nay lại càng thiếu hụt trầm trọng thêm. Các Sư đoàn BB, các đơn vị yểm trợ, tiếp liệu thuộc hai quân khu cũng mất gần hết quân số qua hai cuộc lui binh lại không gây thiệt hại nhiều cho BV. Phần đất còn lại của miền Nam không thể tồn tại nếu không có yểm trợ của máy bay B-52 hoặc viện trợ khẩn cấp của Hoa Kỳ. Giữa tháng 4-1975 mặc dù VNCH đánh thắng được hai trận Long Khánh và Long An nhưng không cứu vãn nổi tình thế.

Ngày 18-4 Ủy ban Quốc Phòng Thượng Viện Mỹ biểu quyết bác bỏ đề nghị viện trợ khẩn cấp của Tổng thống Ford cho VNCH. Mấy ngày sau 21-4 ông Nguyễn Văn Thiệu từ chức và bỏ nước ra đi ngày 24-4, phó Tổng Thống Trần Văn Hương lên thay được mấy ngày rồi bàn giao cho ông Dương Văn Minh để rồi mấy ngày sau, 30-4 thì miền Nam hoàn toàn sụp đổ.

Kết Luận:

Trong truyện "Chiến Tranh Và Hoà Bình" (War And Peace) viết 1869, nhà Văn hào Léon Tolstoi bác bỏ những nhận định của các sử gia cho rằng vĩ nhân, lãnh tụ là những kẻ tạo ra biến cố lịch sử. Ông cho rằng vĩ nhân không có tác động gì tới lịch mà cũng chỉ là quân cờ, cuối cùng bị lôi cuốn trôi theo dòng lịch sử, Tolstoi nói rằng những nguyên nhân gây ra biến cố tiềm ẩn và đan kết với để nhau tạo lên định mệnh lịch sử.

Đi tìm những nguyên nhân gây nên sự sụp đổ miền Nam, ngoài sự sai lầm của ông Thiệu ra chúng ta có thể kể thêm nhiều nguyên nhân, yếu tố quan trọng khác: Người Mỹ đổi chính sách bỏ Đông Dương, quân viện bị cắt giảm, thuyết Dominoes không còn giá trị, dân chúng di tản làm náo loạn cả lên, tin đồn cắt đất nhường cho CSBV, **đài BBC tuyên truyền phá hoại**, nhiều sĩ quan cao cấp bỏ đơn vị chạy trước... Những nguyên nhân ấy đều đúng nhưng **trách nhiệm nặng nề của ông Thiệu là điều không**

thể phủ nhận được, sau này chính ông đã nói một câu tiếng Tây thể này.

"Je suis responsable, mais pas coupable" (tôi chịu trách nhiệm nhưng không có tội!)

Tình hình quân sự chính trị miền Nam cuối thập niên 60 đầu 70 vô cùng cam go, chúng ta một mặt phải chiến đấu chống kẻ thù hung tợn, dai dẳng kiên trì lại phải đối đầu với một đồng minh chán nản đang tìm cách rút quân bỏ Đông Dương. Trước những khó khăn chồng chất, những thử thách lớn lao ông Thiệu nên rút lui để tránh trách nhiệm, lại nữa sự thay đổi nhân sự có thể sẽ đem lại một chân trời mới cho tình hình bế tắc, nhưng ông vẫn khăng khăng nắm giữ quyền hành. Ông Thiệu chủ quan sai lầm trầm trọng ở chỗ nghĩ rằng ngoài ông ra không ai đủ khả năng cứu miền Nam thoát khỏi cơn nguy, ông đã tự đánh lừa chính bản thân mình để giữ độc quyền cứu nước, độc quyền yêu nước.

Thập niên 70 và nhất là những tháng cuối của 1974, những cuộc biểu tình chống chính phủ Thiệu liên miên tại Sài Gòn của sinh viên, các tôn giáo, đảng phái đối lập... đã chứng tỏ rằng chế độ của ông bị mất lòng dân, ông phải nhận thức rõ điều này hơn ai hết để hoặc là thay đổi đường lối chính sách cho phù hợp nguyện vọng người dân, hoặc nhường lại chính quyền cho nhà lãnh đạo khác thì miền Nam hy vọng có cơ hội sống còn.

Ông Cao Văn Viên cũng nói ở phần kết luận cuốn Những Ngày Cuối Của VNCH.

"Cấp lãnh đạo VNCH không thấy rõ sự thay đổi về đường lối ngoại giao của Hoa Kỳ, khi Hoa Kỳ chuyển sang thái độ hoà hoãn, thoả hiệp với Cộng sản quốc tế – dù phải thất hứa với đồng minh. Vì không nhận rõ sự thay đổi ngoại giao của Hoa Kỳ, cấp lãnh đạo VNCH đã không uyển chuyển thay đổi kế hoạch quốc gia cho phù hợp với thực trạng và tình thế. Sau hiệp định Paris 1973, VNCH vẫn trông đợi vào những hứa hẹn xa vời và bất thể hiện"

(Trang 236)

Nhiều người than thở chúng ta không có được nhà lãnh đạo xứng đáng, tài đức như Park Chung Hee, người đã đưa đất nước Đại Hàn tới chỗ phú cường. Thật vậy, đất nước gặp vận xui, trong khi bọn phủ thủy ma quái tạo cuồng phong giông bão, chúng ta lại không có được người đủ khả năng leo lái con thuyền quốc gia để vượt qua cơn sóng gió. Nói ra thì chuyện đã rồi, dù có qui trách cho ông Thiệu, các vị Tư lệnh, cho những người di tản... thì miền Nam đã mất, tiếc rằng mọi cơ hội đều đã vượt khỏi tầm tay. Chúng ta được một bài học quá đắt mà cái giá của nó bằng cả non sông gấm vóc.

Trọng Đạt

Tài Liệu Tham Khảo.

Cao Văn Viên : Những Ngày Cuối Của Việt Nam Cộng Hoà, Vietnambibliography 2003.

Nguyễn Đức Phương: Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập, 1963-1975, Làng Văn 2001.

Nguyễn Đức Phương: Những Trận Đánh Lịch Sử Trong Chiến Tranh Việt Nam, 1963-1975, Đại Nam 2001.

Phạm Huân: Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước 1975, Cali 1988.

Phạm Huân: Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Cali 1987.

Trần Văn Nhựt: Cuộc Chiến Dang Dờ, An Lộc xuất bản 2003.

Trần Đông Phong: Việt Nam Cộng Hoà, 10 Ngày Cuối Cùng, Nam Việt 2006.

Nguyễn Tiến Hưng: Khi Đồng Minh Tháo Chạy, Hứa Chấn Minh 2005.

Hoàng Lạc, Hà Mai Việt: Việt Nam 1954-1975, Những Sự Thật Chưa Hề Được Nhắc Tới, Texas 1991.

Văn Tiến Dũng: Đại Thắng Mùa Xuân, nhà xuất bản Quân đội Nhân dân Hà Nội 2004.

Dương Đình Lập, Trần Cao Minh: Cuộc Tổng Tiến Công Và Nổi Dậy Mùa Xuân 1975, Nhà xuất bản Tổng hợp, Sài Gòn 2005.

Lâm Quang Thi: Autopsy The Death of South Vietnam, Sphinx publishing 1986.

The World Almanac of The Vietnam War, General editor John S. Bowman, A Bison book 1985.

Stanley Karnov: Vietnam A History, A Penguin book 1991.

Marilyn B. Young, John J. Fitzgerald. A. Tom Grunfeld: The Vietnam War, A History in Documents, Oxford University press 2002.

Leo. Tolstoy: War And Peace, The Maude translation, W.W Norton & Company, Inc 1966.

Người Mỹ Và Chiến Tranh Việt Nam, Người Việt Dallas 21-6-2005.

Lewis Sorley: Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu Không Phải Là Bù Nhìn Của Mỹ, Toàn Như dịch, Web Người Việt Boston, October-9-2008

Nguyễn Đạt Thịnh: Một Góc Khác Của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Web Motgoctroi.

Lewis Sorley: Lịch Sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, Trần Đổ Cung dịch, Người Việt Dallas 22-11-2006.

BBC.Vietnamese.com, 10-5-2006: Viện Trợ Quốc Tế Cho Miền Bắc Trong Chiến Tranh.

* * *